

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 31/10/2023

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bản niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

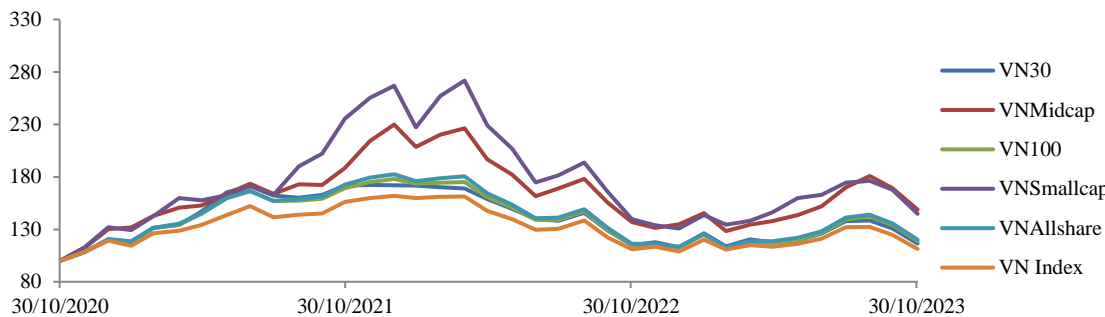
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 30/10/2020 đến 31/10/2023



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 30/10/2020

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	21.25%	48.39%	-38.81%	-11.42%	-14.79%	1.39%	3.48%	20.14%	20.30%	6.31%	3.77%
VN30	20.73%	40.65%	-35.52%	-10.88%	-15.55%	-1.15%	1.22%	16.45%	15.29%	5.21%	2.89%
VNMidcap	35.92%	72.43%	-42.30%	-12.15%	-12.46%	7.98%	8.55%	48.68%	52.35%	14.14%	8.78%
VN100	20.69%	45.14%	-37.62%	-11.25%	-14.64%	1.55%	3.44%	19.00%	18.91%	5.97%	3.52%
VNSmallcap	37.64%	97.79%	-51.74%	-13.62%	-16.85%	-0.75%	3.72%	44.89%	47.11%	13.16%	8.03%
VN-Index	14.19%	33.72%	-33.99%	-10.91%	-15.92%	-2.00%	0.02%	11.10%	12.40%	3.57%	2.37%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	12.33%	13.52%	22.31%	39.39%	47.03%
VN30	11.12%	12.48%	21.99%	39.21%	47.45%
VNMidcap	16.21%	17.41%	25.71%	50.78%	56.06%
VN100	12.32%	13.55%	22.47%	41.41%	48.71%
VNSmallcap	13.24%	14.56%	22.74%	43.36%	48.32%
VN-Index	10.91%	12.02%	19.77%	36.42%	44.35%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	99.20%	98.52%	98.59%	98.80%	98.22%
VN30	98.31%	97.72%	98.28%	97.29%	97.23%
VNMidcap	94.55%	92.56%	91.73%	79.64%	80.03%
VN100	99.21%	98.53%	98.71%	93.79%	95.05%
VNSmallcap	93.06%	89.31%	86.84%	84.10%	82.12%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	287	30	70	100	187
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,893,273	2,964,046	719,067	3,683,113	210,160
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,593,252	1,051,701	432,722	1,484,423	108,829
Trung bình	5,551	35,057	6,182	14,844	582
Cao nhất	93,985	93,985	33,722	93,985	5,793
Thấp nhất	11	2,426	441	441	11
Trung vị	818	32,034	3,563	5,664	328
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.90%	8.94%	7.79%	6.33%	5.32%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.65%	61.58%	45.14%	43.63%	24.44%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hscx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hscx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

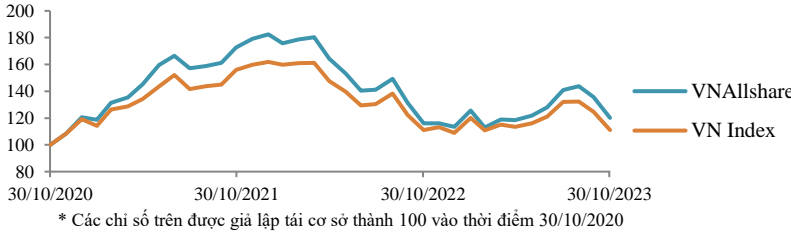
Đặc điểm chỉ số

	287
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,893,273
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,593,252
Trung bình	5,551
Cao nhất	93,985
Thấp nhất	11
Trung vị	818
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.90%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.65%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 30/10/2020 đến 31/10/2023



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	12.33%	13.52%	22.31%	39.39%	47.03%

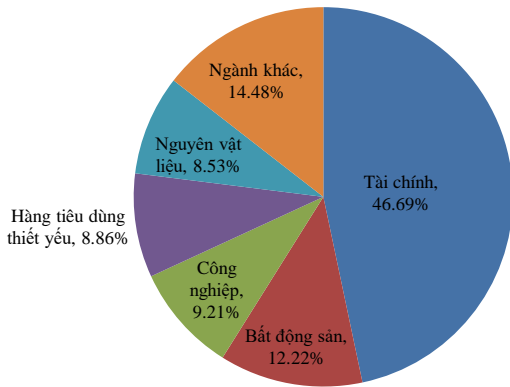
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	99.20%	98.52%	98.59%	98.80%	98.22%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	21.25%	48.39%	-38.81%	-11.42%	-14.79%	1.39%	3.48%	20.14%	20.30%	6.31%	3.77%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	93,985	5.90%
2	FPT	Công nghệ thông tin	89,596	5.62%
3	HPG	Nguyên vật liệu	73,557	4.62%
4	ACB	Tài chính	70,651	4.43%
5	TCB	Tài chính	63,328	3.97%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	56,847	3.57%
7	VCB	Tài chính	53,365	3.35%
8	STB	Tài chính	50,901	3.19%
9	MBB	Tài chính	49,038	3.08%
10	VIC	Bất động sản	46,339	2.91%
	Tổng cộng		647,607	40.65%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	36	743,874	46.69%
Bất động sản	37	194,718	12.22%
Công nghiệp	81	146,811	9.21%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	20	141,112	8.86%
Nguyên vật liệu	44	135,981	8.53%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

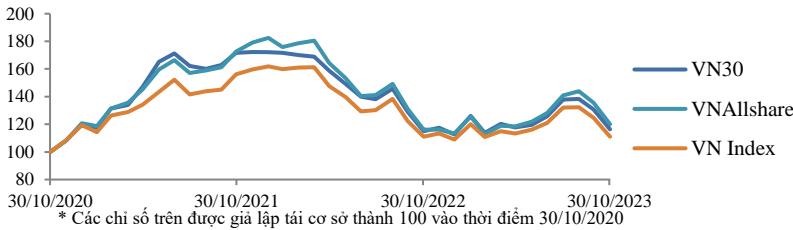


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,964,046
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,051,701
Trung bình	35,057
Cao nhất	93,985
Thấp nhất	2,426
Trung vị	32,034
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.94%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	61.58%

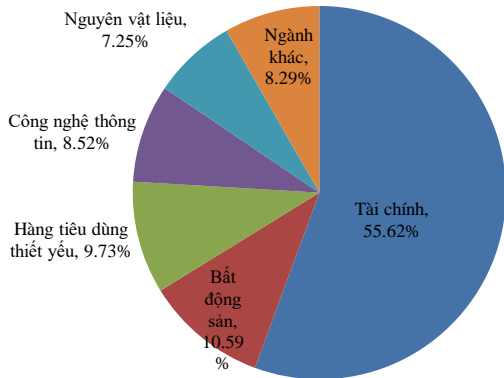
Tăng trưởng chỉ số từ 30/10/2020 đến 31/10/2023



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	20.73%	40.65%	-35.52%	-10.88%	-15.55%	-1.15%	1.22%	16.45%	15.29%	5.21%	2.89%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	584,906	55.62%
Bất động sản	4	111,399	10.59%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	102,320	9.73%
Công nghệ thông tin	1	89,596	8.52%
Nguyên vật liệu	2	76,261	7.25%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
 Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
 Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
 Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
 Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
 Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	11.12%	12.48%	21.99%	39.21%	47.45%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	98.31%	97.72%	98.28%	97.29%	97.23%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1 VPB	Tài chính	93,985	8.94%
2 FPT	Công nghệ thông tin	89,596	8.52%
3 HPG	Nguyên vật liệu	73,557	6.99%
4 ACB	Tài chính	70,651	6.72%
5 TCB	Tài chính	63,328	6.02%
6 VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	56,847	5.41%
7 VCB	Tài chính	53,365	5.07%
8 STB	Tài chính	50,901	4.84%
9 MBB	Tài chính	49,038	4.66%
10 VIC	Bất động sản	46,339	4.41%
Tổng cộng		647,607	61.58%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

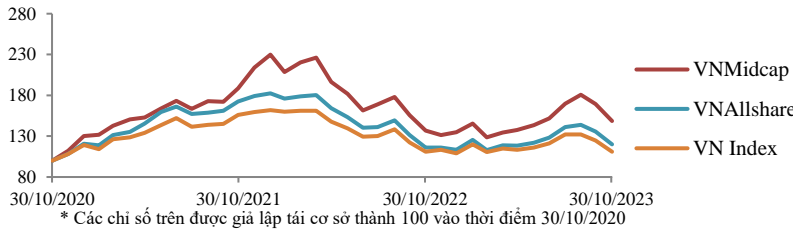


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	719,067
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	432,722
Trung bình	6,182
Cao nhất	33,722
Thấp nhất	441
Trung vị	3,563
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.79%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	45.14%

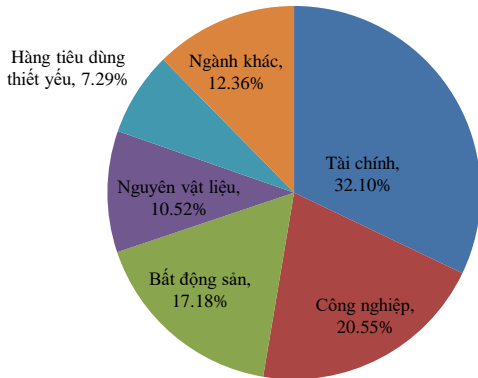
Tăng trưởng chỉ số từ 30/10/2020 đến 31/10/2023



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	35.92%	72.43%	-42.30%	-12.15%	-12.46%	7.98%	8.55%	48.68%	52.35%	14.14%	8.78%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	9	138,922	32.10%
Công nghiệp	19	88,907	20.55%
Bất động sản	13	74,353	17.18%
Nguyên vật liệu	9	45,504	10.52%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7	31,538	7.29%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	16.21%	17.41%	25.71%	50.78%	56.06%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	94.55%	92.56%	91.73%	79.64%	80.03%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	LPB	Tài chính	33,722	7.79%
2	EIB	Tài chính	26,400	6.10%
3	MSB	Tài chính	22,050	5.10%
4	PNJ	Hàng tiêu dùng	20,074	4.64%
5	DGC	Nguyên vật liệu	18,001	4.16%
6	GMD	Công nghiệp	16,243	3.75%
7	VND	Tài chính	14,888	3.44%
8	KDH	Bất động sản	14,859	3.43%
9	KBC	Bất động sản	14,680	3.39%
10	OCB	Tài chính	14,409	3.33%
	Tổng cộng		195,328	45.14%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

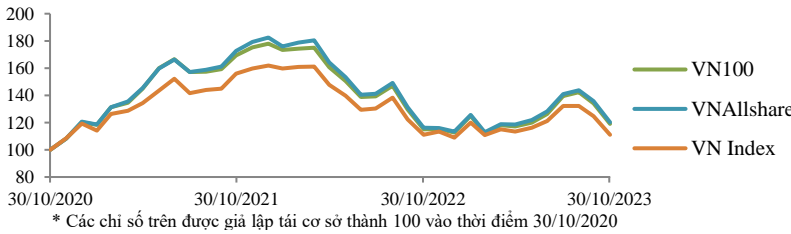


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,683,113
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,484,423
Trung bình	14,844
Cao nhất	93,985
Thấp nhất	441
Trung vị	5,664
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.33%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	43.63%

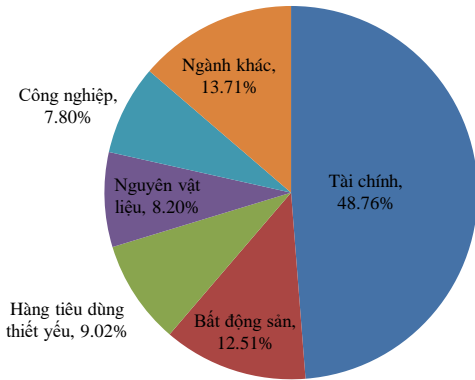
Tăng trưởng chỉ số từ 30/10/2020 đến 31/10/2023



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	20.69%	45.14%	-37.62%	-11.25%	-14.64%	1.55%	3.44%	19.00%	18.91%	5.97%	3.52%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	24	723,828	48.76%
Bất động sản	17	185,751	12.51%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	133,858	9.02%
Nguyên vật liệu	11	121,765	8.20%
Công nghiệp	20	115,717	7.80%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	12.32%	13.55%	22.47%	41.41%	48.71%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	99.21%	98.53%	98.71%	93.79%	95.05%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	93,985	VPB
2	FPT	Công nghệ thông tin	89,596	FPT
3	HPG	Nguyên vật liệu	73,557	HPG
4	ACB	Tài chính	70,651	ACB
5	TCB	Tài chính	63,328	TCB
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	56,847	VNM
7	VCB	Tài chính	53,365	VCB
8	STB	Tài chính	50,901	STB
9	MBB	Tài chính	49,038	MBB
10	VIC	Bất động sản	46,339	VIC
	Tổng cộng		647,607	43.63%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

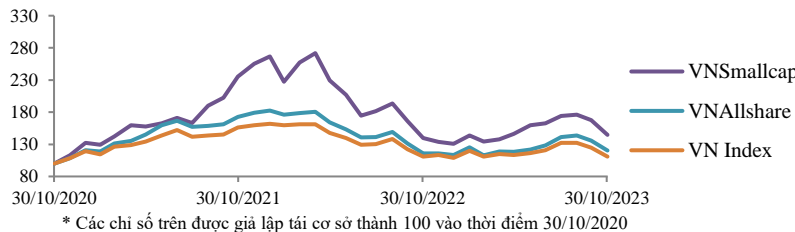
Đặc điểm chỉ số

	187
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	210,160
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	108,829
Trung bình	582
Cao nhất	5,793
Thấp nhất	11
Trung vị	328
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.32%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	24.44%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 30/10/2020 đến 31/10/2023



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	13.24%	14.56%	22.74%	43.36%	48.32%

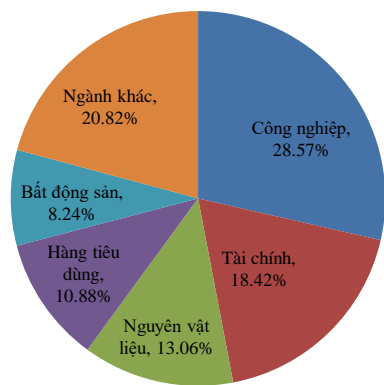
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	93.06%	89.31%	86.84%	84.10%	82.12%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	37.64%	97.79%	-51.74%	-13.62%	-16.85%	-0.75%	3.72%	44.89%	47.11%	13.16%	8.03%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	EVF	Tài chính	5,793	5.32%
2	DBD	Chăm sóc sức khỏe	3,941	3.62%
3	CTS	Tài chính	2,596	2.39%
4	TVS	Tài chính	2,276	2.09%
5	MIG	Tài chính	2,272	2.09%
6	PET	Công nghiệp	2,022	1.86%
7	BAF	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1,976	1.82%
8	FMC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1,922	1.77%
9	TDP	Nguyên vật liệu	1,921	1.77%
10	VSC	Công nghiệp	1,881	1.73%
	Tổng cộng		26,600	24.44%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	61	31,094	28.57%
Tài chính	12	20,046	18.42%
Nguyên vật liệu	33	14,216	13.06%
Hàng tiêu dùng	24	11,843	10.88%
Bất động sản	20	8,967	8.24%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

